

Số: 582 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng
kh^u xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng kh^u xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 22/TTr-SXD ngày 14/3/2025 và Báo cáo kết quả thẩm định số 220/SXD-QLXD ngày 14/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng kh^u xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng kh^u xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Mường Giàng (*nay là thị trấn Mường Giàng*), huyện Quỳnh Nhai.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Quỳnh Nhai.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Mai Lâm (*địa chỉ: Số 08, đường 3/2, tổ 8, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La*).

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án

- Dự án nhóm C; công trình dân dụng, cấp III; công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III;

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Nhỏ hơn 25 năm.

7. Mục tiêu dự án: Nhằm giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường và hạn chế các tác động xấu tới sức khỏe con người, góp phần hoàn thiện và nâng cao tiêu chí về môi trường theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đảm bảo hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Quỳnh Nhai đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Theo Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai, cụ thể: Đầu tư xây dựng dự án khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai với lò đốt rác công suất 1.000 kg/h, bao gồm các hạng mục: San lấp mặt bằng; nhà điều hành, nhà nghỉ nhân viên; nhà bảo vệ; nhà đặt lò đốt rác; Bể ủ rác; bể sữa vôi; sân bê tông; thiết bị lò đốt rác; đường giao thông nội bộ; khu chứa rác thải nguy hại; trạm rửa xe; hồ chôn lấp tro xỉ; bể xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ khác.

8.2. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật

8.2.1. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng: Khu đất dự kiến xây dựng dự án có diện tích khoảng 16.598m², các hạng mục được bố trí trong tổng mặt bằng bao gồm: Cổng vào, nhà điều hành, nhà nghỉ nhân viên, nhà bảo vệ, nhà đặt lò đốt rác, trạm rửa xe, bãi chôn lấp rác hiện trạng... hệ thống đường giao thông nội bộ; các chỉ tiêu quy hoạch chính bao gồm: Mật độ xây dựng 5,7%; hệ số sử dụng đất 0,05 lần; chiều cao công trình 01 tầng.

8.2.2. Giải pháp thiết kế hạ tầng kỹ thuật

- San nền: Khu đất hiện trạng xây dựng dự án có địa hình sườn đồi dốc thoải, trước khi xây dựng dự án cần thực hiện san nền cục bộ một số vị trí để đảm bảo mặt bằng thực hiện dự án trên cơ sở đảm bảo cao độ thoát nước và cân bằng đất đào, đắp; các vị trí mái taluy xây dựng kè trọng lực giữ đất.

- Hệ thống cấp thoát nước:

+ Cấp nước: Nguồn nước cấp cho dự án được đầu nối từ hệ thống cấp nước của khu vực (*theo quy hoạch được duyệt*) thông qua đường ống HDPE D25 về bể chứa nước và bơm phân phối đến các khu vực;

+ Thoát nước mặt và nước phát sinh trong quá trình sản xuất: Nước mặt trong dự án được thu gom thuận lợi thông qua độ dốc theo thiết kế san nền về hệ thống rãnh kín chạy xung quanh công trình và dẫn ra bể xử lý sơ bộ của dự án;

+ Thoát nước thải sinh hoạt: Được xây dựng riêng với hệ thống thoát nước mặt, tại đây nước thải từ bể tự hoại được xử lý cục bộ rồi thoát ra ngoài hệ thống thoát nước chung phù hợp với hiện trạng của khu vực;

- Hệ thống cấp điện và chiếu sáng: Đầu nối từ hệ thống cấp điện hiện trạng của khu vực thông qua dây dẫn CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x25mm² đi ngầm dưới mương cáp cấp về tủ điện tổng của dự án đặt tại nhà bảo vệ và cấp cho các hạng mục sử dụng điện (*khoảng cách và giải pháp đầu nối theo văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền*).

8.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.3.1. Nhà điều hành: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng $S_{xd}=110,62m^2$, giải pháp thiết kế cụ thể:

- Kiến trúc: Chiều dài nhà 16m, chiều rộng nhà 6m; bước gian lần lượt là 4,5m, 4,0m và 3,0m; nhịp nhà rộng 4,5m; hành lang rộng 1,5m. Cao độ nền nhà cốt ± 0.000 cao hơn cốt sân 0,45m; chiều cao nhà tính từ cốt nền ± 0.000 đến đỉnh mái là 4,6m. Tường lãn sơn trực tiếp 3 nước, mái lợp tôn múi màu đỏ; nền lát gạch ceramic kích thước (60x60)cm, khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm, tường ốp gạch men kính cao 2,7m; bậc tam cấp trát, mài granito.

- Kết cấu: Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 50; giằng móng, dầm mái bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường nhà chịu lực xây bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 50 dày 1,5cm; trát trụ, cột, dầm vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm. Kế cấu mái: Lợp tôn múi dày 0,4mm/xà gồ thép hình U40x80x2,5mm/vì kèo thép hình tổ hợp hàn/trần thạch cao tấm thả, kích thước tấm (60x60)cm. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38mm, hoa sắt cửa sổ sử dụng thép hộp tổ hợp hàn, sơn tĩnh điện 3 nước chống rỉ.

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho hạng mục được đầu nối từ hệ thống cấp điện đã có của công trình, nguồn điện được đầu nối từ tủ điện tổng đặt tại nhà bảo vệ; nguồn điện được cấp về nhà thông qua dây dẫn CU/XLPE/PVC 2x6mm²; dây dẫn cấp điện đi chìm tường trong ống gen.

- Thu lôi, chống sét: Kim thu sét $\Phi 18$ mạ kẽm, chiều dài $L=0,8m$; dây dẫn, dây thu sét mạ kẽm $\Phi 10$; cọc tiếp địa thép hình; điện trở bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$;

- Cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: Nguồn nước cấp cho nhà được đầu nối từ bể chứa 20,2m³, cấp về bồn chứa nước Inox đặt ngoài nhà thể tích 2m³ rồi cấp phân phối đến khu vệ sinh của

nhà thông qua đường ống PPR D25 đi chìm tường;

+ Thoát nước: Nước mưa được thu gom qua mái tôn, thoát xuống hệ thống rãnh ngoài nhà bằng ống thoát nước đứng PVC rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, rồi thoát ra hệ thống rãnh thoát nước chung;

+ Bể tự hoại: Thể tích $V=10,72\text{m}^3$, kích thước dài x rộng x cao lần lượt là $(3,22 \times 2,22 \times 1,5)\text{m}$; đáy bể, tấm đan nắp bể bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường bể xây gạch chỉ vữa xi măng mác 50; tường trong trát vữa xi măng mác 75 dày 2,5cm (trát 2 lớp) có đánh màu bằng xi măng nguyên chất; đáy bể láng vữa xi măng mác 75 dày 3cm đánh màu bằng xi măng nguyên chất.

8.3.2. Nhà trực bảo vệ: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng $S_{\text{xd}}=10,4\text{m}^2$; chiều dài, chiều rộng nhà 3,0m; cao độ nền nhà cốt ± 0.000 cao hơn nền sân 0,45m; chiều cao nhà tính từ cốt nền ± 0.000 đến sàn mái là 4,2m. Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 50; giằng móng, dầm mái bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường nhà chịu lực xây bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 50 dày 1,5cm; trát trụ, cột, dầm vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, lăn sơn 3 nước trực tiếp. Cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khuôn nhôm hệ, kính mờ 2 lớp dày 6,38mm; nền lát gạch ceramic kích thước $(60 \times 60)\text{cm}$, tam cấp mài granito. Mái: tôn múi dày 0,4mm/xà gồ thép hình/tường thu hồi/sàn mái bê tông cốt thép B15 dày 10cm. Nguồn cấp điện, cấp nước, thoát nước được đầu nối theo vị trí chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

8.3.3. Nhà đặt lò đốt rác: Nhà 01 tầng, diện tích $S=240\text{m}^2$. Chiều dài nhà 32m; chiều rộng nhà 7,5m; bước gian 4,0m. Nhà kết cấu khung bê tông cốt thép; móng đơn, giằng móng, cột bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); đế móng đặt lò đốt, đế móng đặt hệ thống xử lý khí, đáy hồ cấp rác bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200). Tường xây bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 50 dày 1,5cm. Kết cấu mái: Lợp tôn múi dày 0,4mm/xà gồ mái thép hình sơn 3 nước chống gỉ/vì kèo thép tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống gỉ. Hệ thống thu lôi chống sét: Kim thu sét mạ kẽm, chiều dài $L=0,8\text{m}$; dây dẫn, dây thu sét $\Phi 10$ mạ kẽm, bộ phận tiếp địa bằng thép hình, điện trở bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$. Nguồn cấp điện cho nhà được đầu nối từ tủ điện tổng đặt tại nhà bảo vệ thông qua đường dây dẫn CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC $4 \times 10\text{mm}^2$ (công suất đầu nối đã được cơ quan chủ quản điện lực chấp thuận). Trong nhà bố trí hệ thống lò đốt, hệ thống xử lý khí, băng chuyền, bể cấp rác... giải pháp thiết kế, lắp đặt theo giải pháp dây chuyền công nghệ và giải pháp kỹ thuật của đơn vị cung cấp thiết bị.

8.3.4. Nhà ủ rác: Nhà 01 tầng, diện tích $S=204\text{m}^2$. Chiều dài nhà 25,5m; chiều rộng nhà 7,78m; bước gian 5,25m và 5,0m; bước cột 3,89m và 7,78m. Nhà kết cấu khung bê tông cốt thép; móng đơn, giằng móng, cột bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); nền bê tông cấp độ bền B20 (mác 250) dày 10cm. Tường xây bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 50 dày 1,5cm. Kết cấu mái: Lợp tôn múi dày 0,4mm/xà gồ mái thép hình sơn 3 nước chống gỉ/vì kèo thép tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống gỉ. Hệ thống thu lôi chống sét: Kim thu sét mạ kẽm,

chiều dài $L=0,8\text{m}$; dây dẫn, dây thu sét $\Phi 10$ mạ kẽm, bộ phận tiếp địa bằng thép hình, điện trở bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$. Trong nhà bố trí hệ thống rãnh thoát nước, thu gom nước rỉ rác vào bể xử lý sơ bộ.

8.3.5. Khu chứa chất thải nguy hại: Diện tích $S=56,25\text{m}^2$, kích thước $(7,5 \times 7,5)\text{m}$; nền đổ bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 10cm; tường rào bao quanh (chiều dài $L=27,5\text{m}$): Móng bằng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), trụ tường rào bằng thép hình chôn ngầm vào móng, khung tường rào bằng hệ thép hình tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống gỉ, thung lưới thép B40. Trong sân bố trí các bồn chứa bằng nhựa 2m^3 chứa chất thải nguy hại chờ vận chuyển cho đơn vị xử lý.

8.3.6. Hồ chôn lấp tro xỉ: Kích thước hồ dài x rộng x cao là $(20 \times 8 \times 4)\text{m}$; kết cấu hồ đất đào, lòng hồ rải vải địa kỹ thuật có bố trí rôn thu nước; xung quanh hồ bố trí hệ tường rào bằng lưới thép B40: Móng bằng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), trụ tường rào bằng thép hình chôn ngầm vào móng, khung tường rào bằng hệ thép hình tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống gỉ, thung lưới thép B40.

8.3.7. Các hạng mục phụ trợ

a) Cổng chính, biển tên công trình: Chiều rộng cổng 4,6m (tính đến tim 2 trụ cổng); móng, trụ cổng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), trụ cổng ốp gạch men kính giả đá. Cánh cổng bằng thép hộp tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống gỉ; biển tên công trình khung thép hộp tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống gỉ, mặt biển tên ốp tấm Alumium có gắn chữ.

b) Kè chắn đất: Tổng chiều dài $L=280,4\text{m}$; trong đó: Kè K1 (đoạn K1-K2-K3-K4) chiều dài $L=97,3\text{m}$; kè K2 (đoạn K4-K5) chiều dài $L=9,5\text{m}$; kè K3 (đoạn K6-K9) chiều dài $L=79,3\text{m}$; kè K4 (đoạn K9-K10) chiều dài $L=10,4\text{m}$; kè K5 (đoạn K11-K13) chiều dài $L=57,6\text{m}$; kè K6 (đoạn K14-K15) chiều dài $L=9,0\text{m}$; kè K7 (đoạn K15-K16) chiều dài $L=17,3\text{m}$. Kết cấu kè: Móng, thân kè xây đá hộc vữa xi măng mác 75; miết mạch nổi bằng vữa xi măng mác 75; sau thân kè bố trí tầng lọc bằng đá dăm xếp khan và ống thoát nước PVC $\Phi 42$. Vị trí chân kè K1 bố trí hệ rãnh thoát nước thu nước từ mái taluy trên kè.

c) Tường rào lưới B40: Chiều dài $L=346\text{m}$ (Tường rào T1 đoạn R1*-R1-R2-R3-R4; tường rào T2 đoạn R5-R6-R7-R7*); móng bằng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), trụ tường rào bằng thép hình chôn ngầm vào móng, khung tường rào bằng hệ thép hình tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống gỉ, thung lưới thép B40.

d) Rãnh thu nước

- Rãnh R1 (rãnh thu nước ngoài nhà ủ rác): Chiều dài $L=30\text{m}$; đáy, tường, tấm đan bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200);

- Rãnh R2 (rãnh thu gom nước rỉ rác trong nhà ủ rác): Chiều dài $L=63,34\text{m}$; đáy, tường rãnh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tấm đan bằng gang đúc sẵn;

- Rãnh R3 (rãnh thu nước ngoài nhà quanh khuôn viên): Chiều dài $L=191\text{m}$; đáy rãnh bằng bê tông cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10cm; tường rãnh xây gạch chỉ

không nung vữa xi măng mác 50, trát láng bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10cm;

đ) Bể sữa vôi: Thể tích $V=34,4m^3$, kích thước dài x rộng x cao là (8,6x4x1)m; đáy bể bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10cm; tường bể xây gạch chỉ vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75 dày 2cm có đánh màu bằng xi măng nguyên chất.

e) Bể chứa nước: Thể tích $V=20,2m^3$; kích thước dài x rộng x cao là (5,05x2,5x1,6)m; móng, tường, nắp bể bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); đáy, tường bể trát láng vữa xi măng mác 75; trong bể bố trí bậc thang thăm bể bằng thép hình $\Phi 18$ chôn ngầm trong tường bể;

g) Bể xử lý nước thải sơ bộ (*thu gom nước rỉ rác trong nhà ủ rác*): Thể tích $V=10,72m^3$, kích thước dài x rộng x cao lần lượt là (3,22x2,22x1,5)m; đáy bể, tấm đan nắp bể bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường bể xây gạch chỉ vữa xi măng mác 50; tường trong trát vữa xi măng mác 75 dày 2,5cm (trát 2 lớp) có đánh màu bằng xi măng nguyên chất; đáy bể láng vữa xi măng mác 75 dày 3cm đánh màu bằng xi măng nguyên chất.

h) Cầu rửa xe: Số lượng 02 cái; đế móng, móng đường dốc bằng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200).

i) Sân, đường bê tông: Diện tích $S=1.366m^2$; cấu tạo sân: Bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) dày 14cm/đệm cát tạo phẳng dày 5cm/lớp đất hiện trạng đầm chặt.

k) Đường công vụ (*đường tạm*): Chiều dài $L=134m$; sửa chữa lại đường đất hiện trạng để đảm bảo lưu thông xuống bãi rác hiện trạng; bề rộng mặt đường $B_m=3m$, độ dốc dọc $I_m=27,5\%$; kết cấu mặt đường: Rải đá cấp phối đá dăm loại 1, chiều dày 16cm/lu lèn đạt $K=0,95$ /đất nền hiện trạng.

l) Chiếu sáng ngoài nhà: Xung quanh khuôn viên bố trí 09 cột đèn cao áp chiếu sáng, công suất 250W. Móng cột bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), cột đèn bằng thép mạ kẽm dày 3mm, chiều cao 7m; chân cột liên kết với móng bằng hệ bu lông với khung thép chôn ngầm trong móng. Nguồn điện cấp cho đèn được đấu nối từ tủ điện tổng đặt tại nhà bảo vệ thông qua dây dẫn CU/XLPE/PVC 2x6mm², dây dẫn đi trong ống gen xoắn HDPE $\Phi 25$.

8.3.8. Các hạng mục, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- QCVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng - an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 09-2017: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 16-2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 06-2022: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- Quy chuẩn sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- TCVN 13753-2023: Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt;
- TCVN 13439-2022: Bãi chôn lấp chất thải nguy hại - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 13606-2023: Cấp nước mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;
- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước - Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;

- TCVN 9406-2012: Sơn - Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng - Phân loại;
- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình
- Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 14.950,0 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (TT)	500,0	triệu đồng;
- Chi phí xây dựng	6.921,921	triệu đồng;
- Chi phí thiết bị	5.567,320	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	322,612	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	988,807	triệu đồng;
- Chi phí khác	156,668	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	492,672	triệu đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024 - 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (*vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh*).
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

DVT: Triệu đồng

Năm	Vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2025	14.950,0	14.950,0

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. UBND huyện Quỳnh Nhai (*chủ đầu tư*)

1. Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp

của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

2. Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.

3. Thực hiện các nội dung theo kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 220/SXD-QLXD ngày 14/3/2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IX; Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Nhai; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh